



Phật giáo qua tư liệu Hán Nôm ở núi Non Nước, tỉnh Ninh Bình

ISSN: 2734-9195 09:30 15/07/2026

Như vậy, hoạt động cúng dường tài vật cho quá trình xây tháp, chùa ở Non Nước nhận được sự quan tâm của nhiều tín đồ, cư sĩ,... tiêu biểu nhất là giới quý tộc, quan lại nhà Trần.

Tác giả: **TS Nguyễn Văn Quý**

Viện Dân tộc học và Tôn giáo học

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 07/2026

Tóm tắt: Trên cơ sở nguồn tư liệu **Hán Nôm** hiện còn ở núi Non Nước (Dục Thúy sơn), Ninh Bình và một số nguồn tư liệu khác đã được nhà nghiên cứu Đặng Công Nga sưu tầm, khảo cứu và biên soạn thành công trình Núi Non Nước (Ninh Bình) văn khắc và văn viết từ năm 1945 về trước, xuất bản năm 2015.

Có thể nói, đến nay, đây là công trình đầy đủ về di sản tư liệu Hán Nôm tại núi Non Nước.

Tiếp cận tôn giáo học, bằng phương pháp phân tích tài liệu, chúng tôi hướng đến làm rõ Phật giáo ở núi Non Nước trên hai phương diện chính: 1. Hoạt động xây dựng chùa tháp; 2. Sinh hoạt Phật giáo của tín đồ, phật tử ở núi Non Nước trong lịch sử.

Từ khóa: Hoạt động, sinh hoạt Phật giáo, núi Non Nước, Ninh Bình

1. Đặt vấn đề

Núi Non Nước đã hiện diện tháp từ thời Lý và tự viện thời Trần, được nhiều vị vua, quan, danh sĩ ca ngợi và để lại bút tích trên các vách đá,... khiến núi Non Nước càng trở nên nổi tiếng, được mệnh danh là một trong Tứ đại danh sơn ở **Ninh Bình** (1). Nói cách khác: “Địa danh này nằm trên đường thiên lý Bắc Nam xưa, là nơi dừng chân, thưởng ngoạn cảnh trí non nước hữu tình của biết bao

tao nhân mặc khách. Vì thế, thơ phú, văn chương của cổ nhân viết về núi Non Nước xưa “không biết bao nhiêu mà kể” (2), và một phần được khắc trên vách núi, đến nay nhiều bị ký bị hư hoại, một số bị ký vẫn: “trơ gan cùng tuế nguyệt” lưu lại dấu ấn của các danh nhân, của các thời kỳ lịch sử hào hùng của dân tộc,...” (3). Tuy nhiên, về di tích, ngôi tháp và ngôi chùa xây dựng từ thời Trần được nhiều vua, quan, danh sĩ ngợi ca đã bị hủy hoại bởi chiến tranh và thời gian.



Núi Non Nước Ninh Bình - Ảnh: Sưu tầm

Theo sưu tầm, khảo cứu của nhà nghiên cứu Đặng Công Nga, hiện nay còn 189 di văn Hán Nôm bao gồm 57 văn khắc và 132 văn viết về núi Non Nước. Sớm nhất là di văn thời Trần, thế kỷ 13 và muộn nhất đến nửa đầu thế kỷ 20 (theo giới hạn mốc thời gian sưu tầm của nhà nghiên cứu). Với 189 di văn này lưu dấu ấn của 119 tác giả/nhóm tác giả. Trong đó có 9 vị vua/chúa, 110 vị quan và nhóm quan lại thuộc Quốc sử quán triều Nguyễn.

Trong số 189 di văn Hán Nôm, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến nhóm di văn niên đại thời Trần: 12 tác giả với 15 bài gồm 05 văn khắc, 10 văn viết có nội dung chủ yếu liên quan đến Phật giáo. Theo chúng tôi, đây là nguồn tư liệu quan trọng phản ánh phần nào tình hình Phật giáo thời Trần ở núi Non Nước nói riêng và vùng phụ cận nói chung.

2. Thiền sư Trí Nhu (?-1362) với hoạt động xây dựng chùa tháp ở núi Non Nước

Hiện nay, ngoài hai bi ký Dục Thúy sơn Linh Tế tháp do Trương Hán Siêu soạn năm 1343 khắc trên vách núi Non Nước và bài ký Hiển Diệu tháp bi (4) do Cung Tĩnh Đại vương Trần Nguyên Trác soạn năm 1367 khắc trên vách núi Tiên Long, nay là chùa Kim Cương, thôn Áng Sơn, xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư thì còn một bi ký tháp Viên Thông, chùa Thanh Mai, Hải Dương cho biết khá đầy đủ về Thiền sư Trí Nhu. Theo đó, thiền sư họ Phạm, người châu Hoàng, phủ Trường An. Khoảng năm 20 tuổi, ông được Đề nhị tổ Pháp Loa nhận làm đồ đệ. Trong quá trình tu học, Đề nhị tổ thấy ông là người đạo hạnh, tinh thông Phật học,... nên ban pháp khí rồi lệnh đến Ngũ Mai đường ở chùa Quỳnh Lâm trông giữ xá lợi Phật. Đến khi Đề nhị tổ Pháp Loa sắp thị tịch mới gọi Trí Nhu vào căn dặn: *"Ta muốn tạo tháp để phong giữ xá lợi mà còn chưa thực hiện được, người nên tác thành việc đó"*.

Sau khi Đề nhị tổ viên tịch, dưới sự bảo trợ của vua Trần Minh Tông, xá lợi được đưa về am Chân Thường ở núi Hồ Thiên (Quảng Ninh). Thiền sư Trí Nhu mua bia đá, lập danh sách các đệ tử đặc pháp. Nội dung bia tháp Viên Thông, chùa Thanh Mai cho biết thông tin quý giá: "Đặc pháp đệ tử là Trí Nhu, trụ trì chùa Thúy Sơn". Sau đó, Thiền sư Trí Nhu về núi Non Nước, dựng tháp Linh Tế trong 6 năm mới hoàn thành. Theo Hiển Diệu tháp bi cho biết: "Trí Nhu du lãm sơn xuyên đến vùng núi Tiên Long gặp khu đất rộng trăm mẫu, hướng dựa vào núi, là đất chùa tháp thờ Phật từ thời Lý, nên rất thuận lợi cho việc xây dựng một tòa phạn vũ mới. Sau đó, được đàn na tín thí, công hầu vương tử góp tài lực mà chùa hoàn thiện, đặt tên Kim cương tự (chùa Kim Cương). Tháp chùa chưa hoàn thiện, nên từng bước xây dựng rồi sau thỉnh xin nhà vua đồng ý cho chuyển xá lợi ở am Chân Thường trên núi Hồ Thiên về án tàng trong tháp. Công việc hoàn thành, cũng là thành tựu viên mãn. Ngày 3 tháng 1 năm 1362, Trí Nhu quy tây, các đệ tử như Đức Chính mới cung thỉnh nhà vua đến cúng lễ. Vua Minh Tông ban hiệu cho Trí Nhu là Chiêu Tín thượng nhân, Thích hiệu là Thích Ấn Ngu thiền nhân. Đệ tử Đức Tổ đến xin Đãi Ngu viết văn bia và hoàn thành bia tháp vào ngày 18 tháng 2 năm Đinh Mùi niên hiệu Đại Trị thứ 10 (1367)" (5).

Nhìn chung, ghi chép về Thiền sư Trí Nhu chủ yếu trong Thanh Mai Viên Thông tháp bi, Hiển Diệu tháp bi và Dục Thúy Sơn Linh Tế tháp kí đáng tin cậy. Thiền sư là người đạo hạnh trang nghiêm, được Đề nhị tổ tin tưởng giao trọng trách xây tháp chứa xá lợi của mình. Thiền sư Trí Nhu không chỉ là một đồ đệ đặc pháp với Đề nhị tổ, còn có vị trí quan trọng trong thời kỳ Pháp Loa điều hành Phật giáo Trúc Lâm. Danh sĩ Trương Hán Siêu viết về ông như sau: "Sư Trí Nhu là người theo hầu đức Phổ Tuệ, thâm hiểu tôn chỉ của phái Trúc Lâm, tu thân khổ hạnh, bỏ được lễ nghi phiền phức, gơ hai bàn tay không là làm được việc lớn. Nghĩ đến việc nhà sư lấm chân mây, xếp từng hòn đá, từ một tấc đến một thước, từ một thước đến một nhận, một bước tiến thêm một bước, một tầng cao

thêm một tầng, tới lúc tháp cao sừng sững, thế chạm trời xanh, tranh công xây dựng cùng tạo hóa, thì bọn sư sãi tầm thường đâu có thể sánh được!" (6).

"Một tầng cao thêm một tầng, tới lúc tháp cao sừng sững, thế chạm trời xanh,..." là tháp Linh Tế trên núi Non Nước. Trên núi Non Nước không chỉ có tháp Linh Tế mà còn có ngôi chùa. Ngôi chùa được Thiền sư Trí Nhu hưng công xây dựng, theo thời gian có nhiều tên gọi khác nhau. Gọi theo tên núi là Thủy Sơn tự, thường gọi là chùa Non Nước, hoặc "có tên là Đại Long, bia "Đại Trị Mậu Thân" (1368) viết: Thủy Sơn Đại Long tự, hoặc Sơn Thủy Đại Long tự. Chùa còn có tên là Thiên Long, bia Nhất ký thiên long tự thường trụ tam bảo vật (1343) cho biết điều đó. Trong chùa còn có viện Đại Bi, bia "Tại Hà Dương hương" ghi: Thủy Sơn Đại Bi viện (Viện Đại Bi Nước Non), lại có am Long, bia "Đại Trị Mậu Thân" (1368) viết: Thủy Sơn Long am Đại [Bi viện] (Viện Đại Bi, am Long núi Nước Non). Chùa Nước Non còn có quán chữa bệnh. Bi Thi tế bệnh điền bi cho biết một Tế bệnh quán (Quán chữa bệnh) có ruộng để giúp hoạt động chữa bệnh cho mọi người" (7).

Ngoài tháp Linh Tế thì ở thời Trần, một ngôi chùa được xây dựng trên núi Non Nước có tên là Thủy Sơn Đại Long, Sơn Thủy Đại Long. Trên núi cũng có viện Đại Bi, am Long và là nơi chữa bệnh (Tế bệnh quán), hay gọi theo tên núi là Thủy Sơn tự - chùa Non Nước. Theo bi ký Dục Thúy Sơn Linh Tế tháp ký và Nhất ký Thiên Long tự thường trụ tam bảo vật có cùng niên đại 1343 đề cập trực tiếp đến hoạt động xây dựng tháp, phản ánh tình hình sinh hoạt Phật giáo tiêu biểu thời Trần ở núi Non Nước.

Theo Dục Thúy Sơn Linh Tế tháp ký, trước khi Thiền sư Trí Nhu về Non Nước đã hiện diện một ngôi tháp đổ nát: "*vỗ bụi phủi rêu tẩm bia khắc vách núi mà cố đọc, mới biết rằng, (nơi đây từng có) ngôi tháp cũ, được xây dựng năm Tân Mùi niên hiệu Quảng Hựu thứ bảy triều Lý (1091). Đến khi trèo lên đỉnh núi cheo leo, chỉ thấy nền hoang ngói vỡ vùi lấp giữa lùm cây rậm rạp, gạch đá ngổn ngang. Bất giác bụi ngùi than thở*" (8). Từ thời Lý, núi Non Nước đã từng được danh tăng lựa chọn xây dựng tháp làm nơi thờ Phật/xá lợi, nhưng rất tiếc không có thông tin về ngôi tháp này, bởi khi Danh sĩ Trương Hán Siêu đến phải "*vỗ bụi phủi rêu*" và cố đọc tẩm bia khắc trên vách núi mới biết chút ít thông tin về tháp.

Thiền sư Trí Nhu xây dựng tháp Linh Tế trên nền tháp cũ thời Lý, sau khi xây tháp hoàn tất, ông đến tìm Danh sĩ Trương Hán Siêu vào năm 1342. Lúc này, Trương Hán Siêu (1274-1354) đang ở kinh thành Thăng Long thì có một vị "sơn tăng" pháp danh Trí Nhu đến nhờ ông soạn bài ký cho ngôi tháp vừa mới xây dựng xong. Theo đó, qua việc Thiền sư Trí Nhu trao đổi với Trương Hán Siêu,

chúng ta biết được nhiều thông tin hữu ích về quá trình xây tháp Linh Tế diễn ra trong 6 năm, từ năm 1337 đến năm 1342. Lý do chính là ông đã tìm nơi đẹp để xây tháp an trí xá lợi Đệ nhị tổ: *"Mùa Đông năm ấy, Trí Nhu đi dạo chơi dưới núi Tiên Long, có một vùng đồng ruộng rộng trăm mẫu, dựa lưng vào núi, ngoảnh mặt ra sông, phong cảnh thật là u tịch, rất hợp với thiên cảnh, bèn hỏi chuyện các kỳ lão địa phương. Họ đều nói rằng: "Núi này xưa có một ngôi chùa tháp cổ, do vua thứ tư triều Nguyễn (Lý) dựng lên, năm tháng qua đã lâu, cảnh thổ đổi thay, đất đai chia cắt, trông càng lạ lùng". Thiền sư Trí Nhu muốn dựng ngôi tháp ở đây, liền đến hỏi xin ý kiến các bô lão trong làng. Mọi người đều nói rằng, sửa lại chùa tháp là việc làm phúc đức của ông cha ta vậy (rất nên làm)" (9).*

Sau khi hoàn thành công việc xây dựng tháp Linh Tế bốn tầng: *"đêm tỏa hào quang rực rỡ, xa gần đều trông thấy. Tất cả những việc ấy, có việc nào không phải do phép màu nhiệm của đức Phật ta? Và tôi (Trí Nhu) nghe nói, xưa vua A Dục sai quý thần xây bốn vạn tám nghìn ngôi tháp, người đến chiêm ngưỡng cúng bái đều như được chính mắt mình được trông thấy Phật. Hình tháp khắc ở đâu gậy cũng có thể trừ được yêu khí, cả ngôi tháp vượt qua bể chỉ phút chốc đã lẫn khuất trong mây mù. Sự việc đó không phải là quái đản mà xưa và nay đều phù hợp" (10).*

Hỗ trợ công việc cho Thiền sư Trí Nhu là các đệ tử Đức Viên, Đức Văn, Đức Môn, Đức Tịnh, Đức Minh,... Hiển Diệu tháp bi cho biết thêm một số đệ tử của Thiền sư Trí Nhu như Đức Chính, Đức Tố,... Theo nghiên cứu của Thiền Phong: *"Chúng tôi đặt vấn đề đệ tử của Trí Nhu đều có chữ Đức đặt tên. Trương Hán Siêu trong bia tháp Linh Tế cũng cung cấp thêm một số đệ tử hàng chữ Đức. Từ đó, chúng tôi tạm quy kết các đệ tử của Trí Nhu gồm những người có tên sau: Đức Chính, Đức Tố, Đức Văn, Đức Tịnh, Đức Minh và không rõ lai lịch các vị" (11).*

Ngoài việc xây dựng chùa tháp thì tình hình sinh hoạt Phật giáo ít được đề cập. Chỉ có vài dòng do Danh sĩ Trương Hán Siêu viết: *"thầy là học trò đức Phật, hiểu sâu phép Trúc Lâm, tu thân khổ hạnh, bỏ được lễ nghi phiền phức" (12).* Nhận xét này phản ánh phần nào về tình hình sinh hoạt Phật giáo thời Trần chú trọng đến Thiền và Thiền học. Chú trọng công án, thiền ngữ và những kệ tụng dùng trong tu tập. Tiêu biểu như Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng sĩ trước tác nhiều thiền ngữ, kệ tụng; mặt khác, họ cũng thanh lọc nhiều yếu tố Mật giáo quá nhiều nghi lễ xen tạp với tín ngưỡng dân gian mà ta thấy rõ trong các hành trạng của các vị Thiền sư Minh Không, Không Lộ, Từ Đạo Hạnh,... thời Lý. Đồng thời, có thể thấy xu hướng niệm Phật tiếp tục được bảo lưu trong Phật giáo Trúc Lâm.

Trong Phật giáo Trúc Lâm, thực hành Thiền là chủ yếu, tín đồ thường được Tam tổ hướng dẫn tu học theo các bộ kinh Kim cương, Lăng Già, Viên Giác và nhất là Pháp Hoa; đồng thời họ cũng được Tam tổ giảng các bộ ngữ lục..., chẳng hạn, sau khi Pháp Loa được Đệ nhất tổ Trần Nhân Tông giảng Đại Tuệ ngữ lục năm 1307, trao 200 bộ kinh, chỉ định làm tổ thứ 2 của Phật giáo Trúc Lâm tại chùa Báo Ân. Năm 1311, sau khi hoàn thành san khắc, lưu thông Đại tạng kinh, Đệ nhị tổ Pháp Loa giảng kinh *Hoa nghiêm*, *Truyền đăng lục*, *Đại Tuệ ngữ lục*, *Thượng Sĩ ngữ lục*, *Thiền lâm thiết chủ ngữ lục*,...

Năm 1311, ông giảng Truyền đăng lục ở chùa Siêu Loại; Năm 1312, vua Anh Tông triệu Pháp Loa về chùa Tư Phúc ở Côn Sơn, Hải Dương giảng Đại Tuệ ngữ lục; Năm 1313, Viện chủ Long Đàm Tổ Viện là Ma Ca mời Pháp Loa đến giảng Thiền lâm thiết chủ ngữ lục, Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục và cả kinh Duy Ma cho vua Anh Tông; Năm 1318, vua Anh Tông xuống chiếu cho Pháp Loa đến am Thường Lạc tại Thiên Trường giảng Truyền đăng lục, Tuyết Đậu ngữ lục. Vua Anh Tông ban hiệu Phổ Tuệ tôn giả, đồng thời tôn Pháp Loa làm thầy; Năm 1323, Công chúa Bảo Vân mời Pháp Loa đến chùa Siêu Loại (Báo Ân) giảng hội 3 và 4 kinh Hoa nghiêm. Hoàng thái hậu Bảo Từ, Văn Huệ Vương mời Pháp Loa giảng hội thứ 5 kinh Hoa nghiêm ở chùa Quỳnh Lâm. Ông biên soạn Kim cương trường đa la kinh khoa chú (13) rồi khắc in, lại duyệt các bộ Niết bàn đại kinh khoa số, Pháp Hoa kinh khoa số, Lăng già tứ quyển khoa số (14), Bát Nhã tâm kinh khoa số. Biên soạn Pháp sự khoa văn, Độ môn trợ thành tập,... Có thể nói, đây là công việc biên soạn, chú giải, diễn nghĩa,... một số bộ kinh quan trọng nhằm hướng dẫn cho tín đồ tu tập; Năm 1325, Quốc mẫu Bảo Huệ mời Pháp Loa giảng kinh Kim Cương và Tuyết Đậu ngữ lục,.... HT.Thích Thanh Từ có nhận xét về Đệ nhị tổ Pháp Loa như sau: *“Gần gần đời Sư, kiểm những công tác: đúc tượng Phật kể cả lớn và nhỏ có hơn một ngàn ba trăm (1.300) vị; tạo đại già - lam được hai ngôi. Xây tháp được năm ngọn; lập tăng đường hơn hai trăm (200) sở; độ tăng và ni hơn một mười lăm ngàn (15.000) người; in được một bộ Đại tạng kinh; độ tử đắc pháp hơn ba ngàn (3.000) người; thành Đại pháp sư có sáu vị”* (15). Không rõ, Thiền sư Trí Nhu có phải là một trong sáu vị Đại pháp sư?.



Danh sĩ Trương Hán Siêu là người đầu tiên lưu bút tích cho các thi sĩ đến thưởng ngoạn, ngắm cảnh làm những bài thơ khắc vào đá. - Ảnh: Sưu tầm

Về thời khóa tu tập, nổi trội là thực hành Sám hối 6 thời nhằm thanh lọc tâm ý. Bên cạnh đó, như trên đã đề cập, ngữ lục thường được giảng và các bộ chú giải kinh (kinh số, số sao,...) rất quan trọng trong các Pháp hội cho tín đồ tu học. Tuy nhiều yếu tố Mật giáo được thanh lọc, song ở thời Trần vẫn xuất hiện một số vị tăng như là Ban Đế Ô Sa Thất người Ấn Độ dịch Bạch tán cái thần chú tại Thăng Long vào năm 1318. Điều này cho thấy, trên phương diện Phật học, Mật giáo vẫn hiện diện, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu hay phục vụ cho các nghi lễ liên quan. Hình ảnh Thượng hoàng Anh Tông, Văn Huệ Vương, Uy Huệ Vương,... được Đệ nhị tổ Pháp Loa làm lễ Quán đỉnh (16) cho thấy điều này. Hay Đệ tam tổ Huyền Quang xây dựng Cửu phẩm liên hoa nhằm mục đích niệm Phật và trì chú,... (17)

Và như thế, có thể thấy, trong quá trình xây dựng tháp Linh Tế cũng mang nhiều dấu ấn Mật giáo: "*Khi mới xem đất để khởi công, sư Đức Văn chiêm báo thấy hơn một nghìn người tụ họp ở trên đỉnh núi, trong đó có ba vị quý nhân, tướng mạo khác thường, bảo với mọi người rằng: "Các người nên biết xây tháp là một việc tốt đẹp để cứu vớt chúng sinh thoát khỏi Tam đồ". Hôm bắt tay vào việc, sư Đức Môn lại chiêm báo thấy đức Trúc lâm Phổ Tuệ kết ấn giữ cho tháp yên vững*" (18), hay hai vị đệ tử của Thiền sư Trí Nhu là Đức Tịnh, Đức Minh khi xây đường vào tháp thì bị rơi theo viên đá xuống núi, nhưng người không bị tổn thương, hình tháp khắc ở đầu gậy cũng có thể trừ được yêu khí,...

Tóm lại, đương thời, nếu như Danh sĩ Trương Hán Siêu thường "công kích Phật giáo" trên các phương diện tín đồ Phật giáo sa đọa, "dông dài", xây dựng chùa chiền hoành tráng làm hao phí tiền của,... Song, khi được biết, Thiền sư Trí Nhu là đệ tử của Đệ nhị tổ Pháp Loa thì rõ ràng quan điểm của Trương Hán Siêu khác hẳn: "*bọn sư sãi tầm thường đâu có thể sánh được!*" (19). Thiền sư Trí Nhu là đồ đệ đặc pháp của Đệ nhị tổ Pháp Loa, đương nhiên sẽ khác hẳn với các "sư sãi tầm thường". Điều này, chứng tỏ Trương Hán Siêu cũng là người mộ Phật chân chính; mặt khác, Thiền sư Trí Nhu không chỉ hiểu Danh sĩ Trương Hán Siêu mà còn nhờ vị danh sĩ này viết bài ký.

3. Phật giáo qua hoạt động cúng dàng ghi trong bi ký

Sự phát triển của Phật giáo ở Non Nước còn được thể hiện qua các hoạt động cúng dàng tài vật cho chùa và được ghi chép trong các bi ký có niên đại chủ yếu nửa sau thế kỷ 14. Hoạt động cúng dàng được sự quan tâm đặc biệt của chính quyền, thậm chí, trong bi ký có niên đại năm 1349 cho biết, Thượng hoàng Trần Minh Tông ra sắc chỉ cho chùa Non Nước được sở hữu các loại ruộng đất, hoa màu, cây cối của chùa. Ai xâm phạm thì bị trị tội (20).

Theo Nhất ký Thiên Long tự thường trụ tam bảo vật đã cho thấy nhiều thành phần cúng dàng tài vật như: vua quan, quý tộc nhà Trần; quan địa phương; Tỳ kheo, Tỳ kheo ni và đông đảo tầng lớp cư sĩ ở các vùng lân cận,... Đại Trị bát niên Ất Tỵ (1365) cho biết một vị công chúa Huyền Tư đã xuất gia tu hành đã cúng ruộng cho chùa; Công chúa Huệ Thực và các con trai Liệt hầu Thăng, tự Hiệu hầu Trần Hoàng Trang; con gái là Huệ nhân Đại Chính, cháu là Trần A Ngọc Viện cũng cúng ruộng cho chùa; đồng thời liệt kê nhiều vị cư sĩ cúng ruộng. Trong bi ký này cho biết, sư trụ trì chùa Non Nước là Đức Thiệu, có lẽ vị sư này được Thiền sư Trí Nhu chỉ định làm trụ trì; Bắc trường thập sào, (1385) ghi chép về vấn đề cúng ruộng của nhiều người. Bi ký này còn cho biết Tỳ kheo Đức Thiệu mua ruộng của một người dân để cúng vào chùa; Tỳ kheo Đức Tự, tên thường gọi là Trung phẩm (chánh) đường Chu Nguyên Lăng cúng ruộng cho chùa Non Nước 15 mẫu và Tỳ kheo Đức Tôn cúng (ruộng) 4 sào; Thiên Trường lộ Gia hương ghi chép về cúng ruộng; Tại Hà Dương hương ghi chép việc cúng ruộng vào chùa Non Nước, cho biết trụ trì là Thiền sư Đức Thông; Thi tế bệnh điền bi, cho biết Tỳ khiêu Đức Vân (Đức Vân xuất hiện cả trong bia Nhất ký Thiên long tự thường trụ tam bảo vật niên đại năm 1343) ở chùa Non Nước cúng ruộng cùng các nguyên phi hay cung thị vệ, thân mẫu, hay phu nhân các quan trong triều cúng ruộng nhằm mục đích lấy hoa màu chữa bệnh cho người dân. Ngoài ra, còn Thủy Sơn Báo Ân viện minh do Hồ Tông Thốc soạn thời Trần Duệ

Tông (1337-1377) chép việc một vị tướng quyên tiền và lương bổng của mình dựng viện Báo Ân hoàn thành năm 1383, nhằm tưởng nhớ công lao dưỡng dục của cha mẹ.

Nhìn chung, bi ký hiện còn cho biết tài vật chủ yếu là tiền, gạch, đất, nhất là cúng ruộng,... để xây tháp, hương đăng Tam bảo. Một số cúng tài vật để gửi giỗ cho cha mẹ mình,... Như vậy, hoạt động cúng dường tài vật cho quá trình xây tháp, chùa ở Non Nước nhận được sự quan tâm của nhiều tín đồ, cư sĩ,... tiêu biểu nhất là giới quý tộc, quan lại nhà Trần. Điều này cho thấy uy tín của Thiền sư Trí Nhu đối với chính quyền, tín đồ, phật tử trong vùng.

4. Đôi lời tạm kết

Việc dời đô từ Hoa Lư ra Đại La (Thăng Long) vào đầu triều Lý đã làm cho Phật giáo có sự chuyển dịch. Nhiều chùa tháp được xây dựng ở Thăng Long và quê hương của các vị vua nhà Lý. Với sự quan tâm của vương triều Lý, Phật giáo bước vào giai đoạn phát triển mới và tạo tiền đề quan trọng để đến thời Trần, Phật giáo có sự thống nhất trên cả phương diện tu học và tổ chức.

Phật giáo Trường Yên (Ninh Bình ngày nay) cũng có sự dịch chuyển, từ cố đô Hoa Lư sang vùng Non Nước và đến khi Thiền sư Trí Nhu về trụ trì đã thu hút được nhiều quý tộc, quan lại nhà Trần và nhiều tín đồ phật tử trong vùng Non Nước cúng tài vật xây dựng chùa cảnh rất khang trang.

Phật giáo ở Non Nước thời Thiền sư Trí Nhu và đệ tử của ông diễn ra khá sôi động, Thiền sư Trí Nhu đã thu nhận được nhiều đệ tử, có mối quan hệ tốt đẹp với chính quyền, cả với Danh sĩ Trương Hán Siêu nên Non Nước nhận được rất nhiều ưu ái từ vua quan, quý tộc nhà Trần, và tín đồ, phật tử xung quanh vùng Non Nước, trong đó, hoạt động cúng dường tài vật là tiêu biểu.

Trên phương diện sinh hoạt tu học, tuy nội dung bi ký ở Non Nước không có nhiều thông tin. Nhưng có thể ghi nhận, Thiền sư Trí Nhu đã áp dụng phương cách sinh hoạt tu học của Phật giáo Trúc Lâm đương thời trong việc dạy bảo đệ tử, đồng thời đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần cho người dân. Nghĩa là, ông cũng thuyết giảng các bộ kinh, giảng dạy ngữ lục, áp dụng thời khóa tu tập cho đệ tử. Với người dân, ngoài việc giảng phật pháp, ông còn mở hội chùa, lập đàn tế lễ, thực hành nghi lễ cầu an, cầu siêu,... nhằm định an tinh thần cho mọi người.

Tác giả: **TS Nguyễn Văn Quý**

Viện Dân tộc học và Tôn giáo học

Chú thích:

(1) *Núi Non Nước, núi Cá Voi, núi Cánh Diều và núi Kỳ Lân*

(2) *Đặng Công Nga sưu tầm, khảo cứu và biên soạn (2015), Núi Non Nước (Ninh Bình) văn khắc và văn viết từ năm 1975 về trước, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr5*

(3) *Đặng Công Nga sưu tầm, khảo cứu và biên soạn (2015), Núi Non Nước (Ninh Bình) văn khắc và văn viết từ năm 1975 về trước, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr6*

(4) *Tiên Long Sơn Kim Cương tự Hiển Diệu tháp bi văn tính tự*

(5) *Thiền Phong (2010), Trí nhu và sự nối kế Thiền Trúc Lâm Yên Tử. Nguồn dẫn: <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn>, truy cập ngày 22/03/2024*

(6) *Dẫn lại từ: Đặng Công Nga sưu tầm, khảo cứu và biên soạn (2015), Núi Non Nước (Ninh Bình) văn khắc và văn viết từ năm 1975 về trước, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr39-40*

(7) *Đặng Công Nga sưu tầm, khảo cứu và biên soạn (2015), Núi Non Nước (Ninh Bình) văn khắc và văn viết từ năm 1975 về trước,*

Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr21

(8) *Dẫn lại từ: Đặng Công Nga sưu tầm, khảo cứu và biên soạn (2015), Núi Non Nước (Ninh Bình) văn khắc và văn viết từ năm 1975 về trước, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr38*

(9) *Thích Đức Thiện - Đình Khắc Thuần chủ biên (2016), Văn bia thời Trần, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, tr295*

(10) *Đặng Công Nga sưu tầm, khảo cứu và biên soạn (2015), Núi Non Nước (Ninh Bình) văn khắc và văn viết từ năm 1975 về trước,*

Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr39

(11) *Thiền Phong (2010), Trí nhu và sự nối kế Thiền Trúc Lâm Yên Tử. Nguồn dẫn: <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn>, truy cập ngày 22/03/2024*

(12) Dẫn lại từ: Đặng Công Nga sưu tầm, khảo cứu và biên soạn (2015), Núi Non Nước (Ninh Bình) văn khắc và văn viết từ năm 1975 về trước, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr39

(13) Kinh Kim cương trường đà la ni kinh do Xà Na Quật dịch vào thời Tùy (589-6618)

(14) Đây chính là bộ kinh Lăng Già mà Bồ Đề Đạt Ma dùng và truyền cho Tuệ Khả

(15) Xin xem: HT. Thích Thanh Từ (1999), Thiền sư Việt Nam, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh

(16) Quán đĩnh là một nghi thức Mật tông. Có hai loại nghi thức quán đĩnh là: 1. Truyền giáo quán đĩnh hay truyền pháp quán đĩnh, thọ chúc quán đĩnh; 2. Kết duyên quán đĩnh trao cho những người muốn được kết duyên với Phật giáo. Trong các nghi lễ quán đĩnh, những chân ngôn thần chú được tuyên đọc. Vua Trần Anh Tông, Văn Huệ Vương, Uy Huệ Vương là những người chỉ được nhận phép kết duyên quán đĩnh.

(17) Bát Nhã Tâm kinh rất phổ thông trong thiền giới, đã được liệt vào hàng những thần chú. Bản kinh này kết bằng một câu thần chú: Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề, tát bà ha!. Các thần chú Thủ Lăng Nghiêm, Đại Bi, Bát Nhã và mười bài thần chú khác như Vãng sinh quyết định, Tiêu tai kết tường, Thất Phạt diệt tội được đưa vào trong thời khóa tụng niệm buổi sáng, và áp dụng trong thiền môn cho tới ngày nay. Tổ gia thực lục có nói tới buổi tụng kinh của Huyền Quang và đại chúng vào canh ba và đây là một trong các thời khóa tụng niệm, trong đó yếu tố Tịnh độ và Mật giáo đã trở thành quan trọng.

(18) Dẫn lại từ: Đặng Công Nga sưu tầm, khảo cứu và biên soạn (2015), Núi Non Nước (Ninh Bình) văn khắc và văn viết từ năm 1975 về trước, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr tr38-39

(19) Dẫn lại từ: Đặng Công Nga sưu tầm, khảo cứu và biên soạn (2015), Núi Non Nước (Ninh Bình) văn khắc và văn viết từ năm 1975 về trước, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr39-40

(20) Văn bia niên hiệu Thiệu Phong Kỷ Sửu (1349) tại núi Non Nước

Tài liệu tham khảo:

1] Lã Đăng Bật (2009), “Phật giáo ở Ninh Bình thời Đinh - Lê - Lý - Trần” trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 4

- 2] PGS. Nguyễn Duy Hinh (2009), *Lịch sử đạo Phật Việt Nam*, Nxb. Từ điển bách khoa và Nxb. Tôn giáo, Hà Nội
- 3] Đặng Công Nga sưu tầm, khảo cứu và biên soạn (2015), *Núi Non Nước (Ninh Bình) văn khắc và văn viết từ năm 1975 về trước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
- 4] Thiền Phong (2010), *Trí nhu và sự nối kế Thiền Trúc Lâm Yên Tử*. Nguồn dẫn: <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn>, truy cập ngày 22/03/2024
- 5] HT. Thích Thanh Từ (1999), *Thiền sư Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh
- 6] Thích Đức Thiện - Đinh Khắc Thuân chủ biên (2016), *Văn bia thời Trần*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội